

Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
Appendix XXIV: Report on change of net asset value

(Ban hành kèm theo thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính)
 (Promulgated with the Circular 98/2020/TT BTC on November 16th, 2020 of Ministry of Finance)

Giá trị tài sản ròng quỹ
Net Asset Value of the Fund

(tuần từ ngày 21/01/2022 đến 27/01/2022)
 (Reporting period: from Jan 21st 2022 to Jan 27th 2022)

1. Tên công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt Thien Viet Asset Management JSC
2. Tên ngân hàng giám sát: Custodian and Supervisory Bank:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch
3. Tên quỹ: Name of the fund:	Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2 Thien Viet Growth Fund 2 (TVGF2)
4. Mã chứng khoán/Securities code:	FUCTVGF2
5. Ngày lập báo cáo: Reporting date:	28/01/2022 28 January 2022

Đơn vị tính/Unit: VND/%

STT No.	CHỈ TIÊU DESCRIPTION	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD 27/01/2022	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD 20/01/2022
1	Giá trị tài sản ròng Net asset value (NAV)		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net asset value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ/the fund	181,840,507,054	266,778,144,925
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate		
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	10,697	15,693
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net asset value (NAV) at the ending of period		
2.1	của quỹ/the fund	181,266,625,768	181,840,507,054
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate		
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	10,663	10,697
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: (****) Change of NAV during period, in Which: (****)	-573,881,286	-84,937,637,871
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ Change due to the fund's investment activities	-573,881,286	62,362,129
3.2	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period		
3.3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ (*) Change due to the fund's income distribution for investors	0	-85,000,000,000
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ Change in NAV per certificate during the period	-34	-4,996
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	291,611,251,627	291,611,251,627
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	181,266,625,768	181,840,507,054
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) Number of fund certificate		
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/		
6.2	Tổng giá trị/ Total value		
6.3	Tỷ lệ sở hữu/ ownership ratio		
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ FUCTVGF2 Market value per certificate (closing price of the reporting day)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning value	12,000	15,500
2	Giá trị cuối kỳ Ending value	11,200	12,000
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change in market value, compared with the previous period	-800	-3,500
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/ Difference between the unit's market price and its NAV		
4.1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)**	537	1,303
4.2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (level of discount (-)/ surplus (+))***	5.04%	12.18%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest market value within the nearest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	17,100	17,100
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	8,960	8,960

* Ngày 19/01/2022, Quỹ TVGF2 đã chốt danh sách chi trả 85 tỷ đồng lợi tức bằng tiền năm 2021 cho Nhà Đầu Tư (5,000 đồng/Chứng chỉ quỹ)./In 19th January 2022, TVGF2 made the record list of investors for paying 2021 cash dividend of VND 85 billion (VND 5,000/1 fund certificate);
 ** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - NAV cùng thời điểm)/ Defined by the differences (market price - NAV at the same period);
 *** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường - NAV)/NAV/ Defined by the ratio (market value - NAV)/NAV
 **** Ngày 05/01/2022, Quỹ TVGF2 đã chi trả số tiền 16 tỷ đồng phí thường cho Công ty Quản lý Quỹ Thiên Việt./On 5 January 2022, TVGF2 paid the fee of 16 billion VND to Thien Viet Asset Management.

Đại diện cơ quan quản lý của Ngân hàng giám sát
 Authorized Representative of Supervisory bank

ĐƯƠNG THANH ĐỨC
 Phó Giám đốc phòng GD&DV Chứng Khoán

Đại diện cơ quan quản lý của Công ty Quản lý quỹ
 Authorized Representative of Fund management

NGUYỄN DUY QUANG
 Giám đốc quản lý quỹ/Investment Director